

Số: **690** /BC-UBND

Đắk Nông, ngày **22** tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ nhân viên Khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Đắk Nông có vị trí địa lý, khí hậu, đất đai, tài nguyên nước thuận lợi để phát triển nông nghiệp, với diện tích tự nhiên 650.927 ha, trong đó diện tích đất nông, lâm nghiệp khoảng 601 ngàn ha, chiếm 92% diện tích tự nhiên. Phát huy lợi thế địa phương, ngành nông nghiệp đã có những bước phát triển tương đối toàn diện cả về chiều rộng và chiều sâu, tiếp tục đóng vai trò là 1 trong 3 trụ cột trong nền kinh tế nội tỉnh. Tăng trưởng khu vực nông nghiệp luôn giữ mức khá, bình quân đạt 4,6%/năm, chiếm tỷ trọng trên 37% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp đạt trên 76 triệu đồng.

Hệ thống khuyến nông được xây dựng, phát triển từ tỉnh tới cơ sở, cụ thể:

- Giai đoạn 2006-2020: Về cơ cấu tổ chức của hệ thống Khuyến nông được thực hiện theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, theo đó cấp tỉnh có Trung tâm Khuyến nông; cấp huyện có Trạm khuyến nông; cấp xã có khuyến nông viên (71 người/71 xã, phường, thị trấn) và Cộng tác viên khuyến nông (772 người/772 thôn/buôn/bon/Tổ dân phố). Lực lượng khuyến nông cấp xã được đào tạo chuẩn hóa thông qua các lớp Trung cấp nghề Khuyến nông lâm theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch đào tạo Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016-2017 (viết tắt *Quyết định số 1598/QĐ-UBND*) và các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn do Trung tâm khuyến nông tỉnh tổ chức; đồng thời được chi trả chế độ phụ cấp theo Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh về việc quy định số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ phụ cấp cho Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (viết tắt *Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND*). Sau 15 năm hình thành và phát triển hệ thống khuyến nông từ cấp tỉnh đến cơ sở đã khẳng định vai trò, vị trí trong phát triển nông nghiệp nông thôn, nhất là lực lượng khuyến nông viên cấp xã đã được đánh giá là lực lượng không những làm tốt công tác tham mưu, thống kê cho các UBND xã, phường/thị trấn về lĩnh vực nông nghiệp mà còn thường xuyên bám sát địa bàn để triển khai các hoạt động về khuyến

nông, nông nghiệp theo chỉ đạo, hướng dẫn của ngành nông nghiệp; phối hợp kiểm tra, phát hiện kịp thời dịch bệnh trên cây trồng/vật nuôi; cũng như tuyên truyền, hướng dẫn cho nông dân tại địa phương về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các tiến bộ kỹ thuật mới trong phát triển nông nghiệp,... (như đánh giá tại Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông - Bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông) và Đề án xác định việc duy trì và tăng kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên khuyến nông cấp xã là cần thiết nhằm khuyến khích lực lượng này nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác.

- Giai đoạn sau năm 2020: Việc triển khai các hoạt động khuyến nông thực hiện theo Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông (thay thế Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông); Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 4/11/2019 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (viết tắt Thông tư số 75/2019/TT-BTC) và Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (viết tắt Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND) và Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông - Bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông (viết tắt Đề án theo Quyết định số 107/QĐ-UBND).

Do các quy định mới của Trung ương nêu trên không có quy định cụ thể như giai đoạn trước, do đó giai đoạn mới chưa có cơ chế bố trí kinh phí chi trả phụ cấp hàng tháng để duy trì lực lượng khuyến nông cấp xã hoạt động thường xuyên như cũ, mặc dù đối tượng nhân viên khuyến nông cấp xã do UBND cấp tỉnh quyết định vẫn được quy định tại điểm d, khoản 1, mục I, Phần II, Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt Thông tư số 04/2009/TT-BNN) và việc duy trì lực lượng này, nhất là khuyến nông viên xã đã được đánh giá, xác định là cần thiết và được phê duyệt nhu cầu kinh phí khái toán cần bố trí để thực hiện tại Đề án theo Quyết định số 107/QĐ-UBND. Việc hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND nêu trên thì chỉ tính theo ngày công khi được mời tham gia hoạt động khuyến nông cụ thể, không đảm bảo tính liên tục, cố định mà chỉ mang tính chất thời vụ, theo đầu công việc gắn với các Chương trình/mô hình/dự án, dẫn tới nguồn thu nhập thấp, bấp bênh, không ổn định do đó không khuyến khích/giữ chân được lực lượng khuyến nông cấp xã gắn bó với công tác khuyến nông thường xuyên.

Với một tỉnh hiện nay, phát triển nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo, được xác định là một trong 3 trụ cột phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phần lớn người dân sống và phát triển kinh tế chủ yếu vẫn từ sản xuất nông nghiệp; trong khi đó dân số nhiều vùng còn thưa thớt, trình độ dân trí không đồng đều, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; doanh nghiệp đầu

tu vào lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn nên doanh nghiệp làm khuyến nông chưa có đáng kể, chủ yếu vẫn dựa vào khuyến nông của Nhà nước. Do đó, trong thời gian tới nếu không có chính sách quy định chế độ cụ thể để có cơ sở bố trí kinh phí hỗ trợ cho lực lượng tham gia làm khuyến nông cấp xã thì việc tuyên truyền, chuyên giao các tiến bộ khoa học cho người dân sản xuất, phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt việc hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu, chuỗi liên kết sản xuất, ... gặp rất nhiều khó khăn.

Mặt khác, hiện nay tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 đã quy định rõ, các tiêu chí để đạt xã nông thôn mới trong đó có Tiêu chí 13.5. *Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*. Theo hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nêu rõ: "*Tổ khuyến nông cộng đồng là tổ chức khuyến nông với thành phần nòng cốt là khuyến nông cấp xã và các cá nhân trên địa bàn (cán bộ thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm, ...), đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế tại địa phương (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, hợp tác xã, doanh nghiệp, ...)*" và theo Đề án "*Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiến toàn mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng*" ban hành kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nêu rõ "*Tổ khuyến nông cộng đồng được hưởng lương, phụ cấp, chế độ theo chính sách khuyến nông của địa phương*".

Như vậy, để góp phần thực hiện và hoàn thành tiêu chí về tổ chức sản xuất nông nghiệp trong xây dựng xã nông thôn mới thì cần phải có lực lượng khuyến nông cấp xã trực tiếp tham gia hoạt động vào Tổ khuyến nông cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ như hướng dẫn thực hiện các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và để có chế độ chi trả cho lực lượng khuyến nông cấp xã yên tâm thực hiện nhiệm vụ cần thiết phải có chính sách quy định chế độ hỗ trợ làm cơ sở bố trí kinh phí thực hiện hàng năm.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh, các cơ chế của Chính phủ nêu trên và khoản 1, Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 "*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông trên phạm vi địa phương theo các nội dung sau: 1. Xây dựng và ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương*" thì việc xây dựng và ban hành Nghị quyết "**Quy định chính sách hỗ trợ nhân viên Khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến**

năm 2030” là cần thiết và phù hợp với tình hình phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn của tỉnh trong thời gian tới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Thu hút và tuyển chọn được lực lượng làm nhân viên khuyến nông cấp xã đảm bảo số lượng quy định, hoạt động hiệu quả và làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần hỗ trợ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 6/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Thu hút và tuyển chọn được lực lượng làm nhân viên khuyến nông cấp xã đảm bảo không quá 02 người cho mỗi xã/phường/thị trấn thông qua chính sách hỗ trợ ban hành.

Quy định mức hỗ trợ hàng tháng vừa xét tới yếu tố khu vực, vừa xét tính tương đồng với mức phụ cấp của một số vị trí cán bộ cấp xã tương đương, hỗ trợ mức đóng phí bảo hiểm y tế hàng năm và khuyến khích kiêm nhiệm nhằm đảm bảo tính đồng bộ và thu hút, khuyến khích nâng cao vai trò, trách nhiệm của nhân viên khuyến nông cấp xã (*Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 5/5/2022 quy định chức danh, số lượng mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn/bon, buôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông - viết tắt Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022*).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo đánh giá tại Đề án theo Quyết định số 107/QĐ-UBND cho thấy hệ thống khuyến nông từ cấp tỉnh đến cơ sở đã khẳng định vai trò, vị trí trong phát triển nông nghiệp nông thôn, nhất là lực lượng khuyến nông cấp xã (*khuyến nông viên xã và công tác viên khuyến nông thôn/bon/buôn/tổ dân phố*). Tuy nhiên, Đề án cũng đã chỉ ra lực lượng khuyến nông cấp xã bố trí đến thôn/bon/buôn/Tổ dân phố nên số lượng khá đông, mức đóng góp chưa tương xứng với tổng nguồn kinh phí chi trả, nhất là lực lượng công tác viên khuyến nông thôn/bon/buôn/Tổ dân phố chưa tự giác, thực hiện hết trách nhiệm được giao và chưa có tầm ảnh hưởng đáng kể trong công tác hỗ trợ các hoạt động khuyến nông cấp thôn trong khi nguồn kinh phí phải bố trí hàng năm cho lực lượng này chiếm mất khoảng 4/5 tổng nguồn kinh phí. Do đó, Đề án đã được phê duyệt không còn bố trí lực lượng công tác viên này cho giai đoạn sau năm 2020, mà tập trung vào duy trì, nâng cao mức phụ cấp cho khuyến nông viên xã.

Với một tỉnh hiện nay phần lớn người dân sống và phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp; địa bàn sản xuất rộng, trình độ dân trí không đồng đều đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn nên doanh nghiệp làm khuyến nông chưa có đáng kể, chủ yếu vẫn dựa vào khuyến nông của Nhà nước, trong khi đó việc duy trì đội ngũ công tác viên khuyến nông thôn/bon/buôn/Tổ dân phố như nêu trên hiện nay là không cần thiết (giảm 772 người tương ứng với giảm nguồn kinh phí chi hỗ trợ hàng năm trên 5 tỷ đồng) do đó sẽ tăng khối lượng công việc cho lực lượng khuyến nông viên tại địa bàn các xã, vì vậy việc xem xét bố trí tăng số lượng khuyến nông viên xã cho giai đoạn mới (*sau đây thống nhất gọi là nhân viên khuyến nông cấp xã theo quy định tại Thông tư số 04/2009/TT-BNN*) cao hơn gấp đôi so với giai đoạn 2012-2020 là cần thiết và hợp lý nhằm triển khai thực hiện tốt các hoạt động khuyến nông tại địa phương.

- Về cơ chế, chính sách hỗ trợ lực lượng khuyến nông cấp xã: Trong giai đoạn 2012-2020, mức phụ cấp cho lực lượng khuyến nông cấp xã được thực hiện theo Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh. Cụ thể, phụ cấp cho Khuyến nông viên xã được tính theo hệ số bằng 0,8 mức lương cơ bản/người/tháng. Sau năm 2020, do các quy định mới của Trung ương như nêu trên không có quy định cụ thể cơ chế, chính sách bố trí kinh phí chi trả phụ cấp hàng tháng để duy trì lực lượng khuyến nông cấp xã như cũ, mặc dù đối tượng nhân viên khuyến nông cấp xã do UBND cấp tỉnh quyết định vẫn được quy định tại điểm d, khoản 1, mục I, Phần II Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và việc duy trì lực lượng này, nhất là khuyến nông viên xã đã được đánh giá, xác định là cần thiết và được phê duyệt nhu cầu kinh phí khái toán cần bố trí để thực hiện tại Đề án theo Quyết định số 107/QĐ-UBND. Với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của lực lượng khuyến nông cấp xã phải tham gia với vai trò nòng cốt trong Tổ Khuyến nông cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác của khuyến nông địa phương, yêu cầu đặt ra cần xây dựng và ban hành chính sách quy định chế độ hỗ trợ hợp lý cho lực lượng này trên cơ sở vừa đáp ứng được cơ bản theo mức công hiện; vừa phù hợp với điều kiện, tình hình ngân sách của tỉnh; vừa đảm bảo đồng bộ/tương đồng với các chính sách đã được cấp có thẩm quyền quy định, ban hành cho các đối tượng tương đương.

- Việc cần thiết phải có chính sách mới để đảm bảo tổ chức các hoạt động khuyến nông ở địa phương đạt được hiệu quả còn dựa trên một số yêu cầu thực tiễn hiện nay đặt ra và những bất cập khác cụ thể như:

+ Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là xu thế tất yếu, các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất ngày càng nhiều, đòi hỏi đội ngũ khuyến nông viên xã phải dành nhiều thời gian công sức để nắm bắt thông tin, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, góp phần vào việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khuyến khích nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

+ Các yêu cầu nhiệm vụ khi tham gia Tổ khuyến nông cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

+ Hiện nay, giá cả thị trường biến động theo chiều hướng tăng, để thực hiện nhiệm vụ phải chi phí nhiều hơn (như xăng xe, điện thoại...) trong khi nếu phụ cấp thấp, chưa tương xứng với công việc phải thực hiện.

+ Đội ngũ khuyến nông cấp xã giai đoạn 2012-2020 chưa có quy định hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế hàng năm như một số đối tượng cán bộ cấp xã tương đương nên bị thiệt thòi hơn và chưa thu hút được lực lượng đội ngũ có trình độ và năng lực tham gia.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng và ban hành chính sách quy định cụ thể chế độ hỗ trợ kinh phí cho lực lượng khuyến nông viên nông cấp xã trên địa bàn tỉnh làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định và thông qua thực hiện chính sách để đảm bảo tổ chức các hoạt động khuyến nông ở địa phương đạt hiệu quả.

Chính sách được xây dựng và ban hành đáp ứng được cơ bản theo mức công hiến; phù hợp với điều kiện, tình hình ngân sách của tỉnh; đảm bảo tương đồng với các chính sách đã được cấp có thẩm quyền quy định, ban hành cho các đối tượng tương đương.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1

Giữ nguyên lực lượng khuyến nông cấp xã và mức hỗ trợ hàng tháng như cũ (giai đoạn 2012 - 2020), cụ thể mức hỗ trợ bằng 0,8 mức lương cơ sở đối với khuyến nông viên (tương đương bằng 1.200.000 đồng) và bình quân 0,5 so với mức lương cơ sở đối với cộng tác viên (tương đương bằng 745.000 đồng) như quy định tại Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh.

Với quy định như trên dự kiến tổng nhu cầu kinh phí tối đa cần để thực hiện hỗ trợ gần 8 tỷ đồng/năm.

a) Tác động tích cực: Lực lượng đông dễ triển khai, không gây xáo trộn trong cân đối ngân sách (*do nguồn kinh phí bố trí không thay đổi so với giai đoạn 2012-2020*).

b) Tác động tiêu cực:

Số lượng lực lượng khuyến nông cấp xã bố trí đến thôn/bon/buôn/Tổ dân phố nên quá đông, tổng ngân sách phải chi trả phụ cấp hết nhiều mà hiệu quả không cao, mức đóng góp chưa tương xứng với tổng nguồn kinh phí chi trả; trong khi nguồn kinh phí phải bố trí hàng năm cho lực lượng cộng tác viên

khuyến nông thôn/bon/buôn/Tổ dân phố chiếm mất trên 4/5 tổng nguồn kinh phí chi trả cho toàn lực lượng.

Mức hỗ trợ hàng tháng cho mỗi người quá thấp, không hỗ trợ phí bảo hiểm y tế hàng năm, không quy định kiêm nhiệm do đó chưa tương đồng với mức phụ cấp đối với một số vị trí ở cấp xã tương đương hiện nay trên địa bàn tỉnh nên dễ gây so bì, khó thu hút được lực lượng nhân viên khuyến nông cũ tiếp tục tham gia hoặc tuyển chọn mới hoặc có tham gia nhưng thời gian và chất lượng công việc khó đảm bảo.

3.2. Giải pháp 2

- Mỗi xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bố trí không quá 02 nhân viên khuyến nông với mức hỗ trợ hàng tháng 1.700.000 đồng (*tương đương với hệ số bằng 1,1 mức lương cơ sở và tương đồng với phụ cấp của một số vị trí cán bộ cấp xã tương đương quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 5/5/2022 của HĐND tỉnh*).

- Nhân viên khuyến nông cấp xã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế hàng năm theo quy định (*hiện tại mức đóng bảo hiểm y tế là 804.600 đồng/người/năm*).

Với quy định như trên, số lượng nhân viên khuyến nông cấp xã tối đa đạt 142 người/71 xã, phường, thị trấn và dự kiến tổng nhu cầu kinh phí tối đa để thực hiện hỗ trợ gần 2,9 tỷ đồng/năm.

a) Tác động tích cực:

Lực lượng nhân viên khuyến nông xã tối đa tăng lên gấp đôi (tăng thêm 71 người) nhưng tổng thể vẫn còn giảm 700 người tương ứng với giảm nguồn kinh phí chi hỗ trợ hàng năm trên 5 tỷ đồng và quy định mới mức hỗ trợ đảm bảo tính tương đồng với phụ cấp của một số vị trí cán bộ cấp xã tương đương mà tình quy định hiện tại, góp phần thuận lợi hơn trong việc giữ chân lực lượng khuyến nông viên cũ, cũng như tuyển chọn mới và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông ở cơ sở.

b) Tác động tiêu cực:

Mang tính cào bằng trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ nên không khuyến khích, động viên được các nhân viên khuyến nông làm việc trong các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn hơn và dễ gây sự so bì ảnh hưởng đến sự nhiệt tình của đội ngũ khuyến nông.

Không quy định kiêm nhiệm trong khi mức hỗ trợ còn thấp so với mức chi trả tiền công nên khó có cơ hội nâng cao thêm thu nhập ổn định cuộc sống, do đó khó thu hút, tuyển chọn được nhân viên khuyến nông cấp xã có năng lực tốt.

3.3. Giải pháp 3

Mỗi xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được bố trí không quá 02 nhân viên khuyến nông với mức hỗ trợ cho nhân viên khuyến nông cấp xã phân theo khu vực, cụ thể:

- Các xã, phường, thị trấn ngoài khu vực III, II và biên giới (Xã khu vực I và các xã, phường, thị trấn còn lại): Mức hỗ trợ hàng tháng 1.700.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,1 mức lương cơ sở hiện tại - 1.490.000 đồng) hoặc 2.000.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,1 mức lương cơ sở dự kiến vào năm 2023 - 1.800.000 đồng) (lấy hệ số bằng 1,1 mức lương cơ sở để tính toán mức hỗ trợ cụ thể để đảm bảo tính đồng bộ, tương đồng với một số chức danh tương đương quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của HĐND tỉnh).

- Xã khu vực II: Mức hỗ trợ hàng tháng 2.000.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,3 so với mức lương cơ sở hiện tại - 1.490.000 đồng) hoặc 2.400.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,3 so với mức lương cơ sở dự kiến vào năm 2023 - 1.800.000 đồng) (mức hỗ trợ được tính tăng hệ số lên 0,2 so với mục 1.1 nhằm khuyến khích các nhân viên khuyến nông làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hơn).

- Xã khu vực III và các xã khu vực biên giới: Mức hỗ trợ hàng tháng 2.300.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,5 so với mức lương cơ sở hiện tại - 1.490.000 đồng) hoặc 2.700.000 đồng/người (tương đương với hệ số bằng 1,5 so với mức lương cơ sở dự kiến vào năm 2023 - 1.800.000 đồng) (mức hỗ trợ được tính tăng hệ số lên 0,2 so với mục 1.2 nhằm khuyến khích các nhân viên khuyến nông làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hơn, nơi đa phần là người đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí không đồng đều, địa bàn rộng lớn, giao thông đi lại khó khăn).

(Các xã Khu vực III, khu vực II, khu vực I và các xã khu vực biên giới thực hiện theo Quy định của cơ quan có thẩm quyền - hiện tại theo Quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

- Nhân viên khuyến nông cấp xã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế hàng năm theo quy định (hiện tại mức đóng bảo hiểm y tế là 804.600 đồng/người/năm).

- Khuyến khích kiêm nhiệm nhân viên khuyến nông cấp xã đối với cán bộ, công chức cấp xã (có đủ tiêu chuẩn theo quy định) nhưng không quá 01 chức danh kiêm nhiệm và người không chuyên trách cấp xã hoặc các đối tượng khác công tác ở cấp xã (có đủ tiêu chuẩn theo quy định) nhưng không quá 02 chức danh kiêm nhiệm. Mức hỗ trợ khi kiêm nhiệm bằng 90% mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này (nhằm nâng cao thu nhập ổn định đời sống cho nhân viên khuyến nông cấp xã; các quy định đưa ra đảm bảo tính đồng bộ với Điều 9 của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số

đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông).

Dự kiến 01/01/2023, Chính phủ sẽ tăng mức lương cơ sở, để Nghị quyết sau ban hành không bị bất cập khi có biến động về mức lương cơ sở và phù hợp với tình hình hiện tại, nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên khuyến nông 01 năm được tính theo 02 phương án: Phương án 1 tính theo mức lương cơ sở hiện tại là gần 3,3 tỷ đồng; phương án 2 tính theo mức lương cơ sở dự kiến vào năm 2023 là trên 3,86 tỷ. Cụ thể:

Stt	Hạng mục	Số lượng nhân viên khuyến nông cấp xã dự kiến	Mức hỗ trợ hàng tháng/ng (1.000 đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ hàng tháng (1.000 đồng)	Hỗ trợ BHYT trong một năm (1.000 đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ tính cả bảo hiểm (1.000 đồng)
I. Phương án 1: vận dụng tính mức hỗ trợ dựa trên mức lương cơ sở hiện tại (1.490.000 đồng)						
1	Tính cho 1 tháng	142		255.400		
a	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực III và các xã khu vực biên giới	36	2.300	82.800	28.966	111.766
b	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực II	8	2.000	16.000	6.437	22.437
c	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực I và các xã còn lại	98	1.700	166.600	78.851	245.451
2	Tính cho một năm	142		3.184.800	114.253	3.299.053
II. Phương án 2: vận dụng tính mức hỗ trợ dựa trên mức lương cơ sở dự kiến sẽ điều chỉnh tăng vào năm 2023 (1.800.000 đồng)						
1	Tính cho 1 tháng	142		312.400		
a	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực III và các xã khu vực biên giới	36	2.700	97.200	28.966	126.166
b	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực II	8	2.400	19.200	6.437	25.637
c	Đối với Khuyến nông thuộc xã khu vực I và các xã còn lại	98	2.000	196.000	78.851	274.851
2	Tính cho một năm	142		3.748.800	114.253	3.863.053

a) Tác động tích cực:

Tổng nhu cầu kinh phí tối đa dự kiến cần để thực hiện hỗ trợ của giải pháp 3 với phương án 1 là gần 3,3 tỷ đồng/năm và phương án 2 là trên 3,86 tỷ đồng/năm, so với giải pháp 1 cũng chưa bằng một nửa kinh phí ngân sách nhà nước bố trí hàng năm như giai đoạn trước năm 2020 (ngân sách nhà nước bố trí gần 8 tỷ đồng/năm), do đó mức hỗ trợ trên vẫn đảm bảo không gây ảnh hưởng, áp lực về nguồn ngân sách cần bố trí; so với giải pháp 2, có bổ sung thêm chế độ

kiêm nhiệm, có xem xét đến yếu tố khu vực nên vừa đảm bảo tính khu vực, kiêm nhiệm và vừa đảm bảo tính tương đồng với phụ cấp của một số vị trí cán bộ cấp xã tương đương mà tỉnh quy định hiện tại, từ đó có cơ hội để tăng thêm thu nhập nên thuận lợi hơn trong giữ chân/tuyển chọn mới lực lượng khuyến nông cấp xã, nhất là khuyến khích, động viên được nhân viên khuyến nông vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông.

b) Tác động tiêu cực:

Gia tăng thêm kinh phí bố trí từ ngân sách mỗi năm khoảng gần 300 triệu đồng (đối với phương án phương án 1), 960 triệu đồng (đối với phương án 2) so với giải pháp 2. Tuy nhiên, sự gia tăng này không đáng kể, vẫn đảm bảo nằm trong khung nguồn kinh phí thực hiện trong giai đoạn trước đây nên không gây xáo trộn và nằm ngoài khả năng cân đối ngân sách.

3.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 3 giải pháp nêu trên, kiến nghị chọn giải pháp 3 với phương án 2, vì giải pháp này có nhiều tính ưu việt, tích cực như nêu trên đó là: vừa đảm bảo tính tương đồng với phụ cấp của một số vị trí cán bộ cấp xã tương đương mà tỉnh quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 5/5/2022 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn bon, buôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; vừa đảm bảo tính khu vực, kiêm nhiệm để tăng thêm thu nhập nên thuận lợi hơn trong quá trình giữ chân đội ngũ khuyến nông cũ, cũng như tuyển chọn mới, nhất là khuyến khích, động viên được nhân viên khuyến nông vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi tổng nhu cầu kinh phí cần hỗ trợ vẫn đảm bảo nằm trong khung nguồn kinh phí bố trí cho giai đoạn trước đây nên không gây xáo trộn và nằm ngoài khả năng cân đối ngân sách. Mặt khác, chọn phương án 2 - tức vận dụng mức lương cơ sở dự kiến sẽ điều chỉnh tăng gần nhất theo chủ trương của Chính phủ (*dự kiến vào năm 2023 với mức lương cơ sở 1.800.000 đồng*) làm cơ sở tính mức hỗ trợ để hạn chế sự bất cập ngay sau khi nghị quyết đi vào thực hiện năm 2023 và hạn chế bớt sự chênh lệch gây thiệt thòi cho đội ngũ nhân viên khuyến nông cấp xã khi có những biến động về mức lương cơ sở, trong khi đây là chính sách đặc thù mang tính thực thi ổn định, dài hơi, không dễ để đề xuất sửa đổi, bổ sung.

3.5. Thẩm quyền ban hành chính sách

Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, thẩm quyền ban hành chính sách quy định chế độ hỗ trợ nhân viên khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Trên cơ sở chính sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định về số lượng, tiêu chuẩn lựa chọn, nhiệm vụ của đối tượng được hưởng chính sách.

III. LẤY Ý KIẾN

Việc lấy ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị quyết thực hiện theo đúng quy định Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể: lấy ý kiến bằng văn bản đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan, địa phương, các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách, lấy ý kiến rộng rãi trên công thông tin điện tử của tỉnh và ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Chính, Bộ nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 56/BCTĐ-STP ngày 13/10/2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh, thành viên Ban cán sự đảng UBND tỉnh. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy tại Tờ trình số 274-TTr/BCSD ngày 14/11/2022.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan tổ chức thi hành chính sách: UBND tỉnh Đắk Nông.
2. Cơ quan giám sát đánh giá chính sách: HĐND tỉnh Đắk Nông.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách về xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ nhân viên khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT_(LTT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười